

Bản án số: 273/2024/KDTM-PT

Ngày: 31/12/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm Phán: 1. Bà Lưu Thị Đoan Trang

2. Bà Mai Thị Thanh Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 31/12/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLPT-KDTM ngày 09/10/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6296/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18874/2024/QĐ-PT ngày 27/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà S, B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, Sinh năm: 1993.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà F, B M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 04/GUQ-TGĐ ngày 18/3/2024 của Công ty Cổ phần B), (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH G2.

Địa chỉ: B đường số A, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1991 (Văn bản ủy quyền số 01/2024/GUQ-GOA ngày 05/11/2024); (Có mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH G2 - là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và các tài liệu khác, nguyên đơn là Công ty Cổ phần B trình bày:*

Ngày 27/11/2020, Công ty Cổ phần B (sau đây gọi là “Be Group”) ký hợp đồng dịch vụ số 0111/2020/HDDV/BG-GA (sau đây gọi là “Hợp đồng dịch vụ số 0111”) và Phụ lục 1, Phụ lục 2 với Công ty TNHH G3 (sau đây gọi là “Go Advertising”). Theo đó, Be G cung cấp cho G4 250 xe ô tô trong thời gian 02 (hai) tháng từ ngày 05/12/2020 đến 05/02/2021 để Go A thực hiện dán quảng cáo, chi phí Go A phải thanh toán cho Be G là 1.990.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, số lượng xe Be Group không tham gia đầy đủ nên khi nghiệm thu, hai bên thống nhất khấu trừ số tiền 29.304.000 đồng. Như vậy, số tiền mà Go A phải trả cho Be G trong toàn chiến dịch quảng cáo là 1.169.696.000 đồng. Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 02/5/2021, Go A đã thanh toán cho Be G bốn đợt với tổng số tiền là 969.696.000 đồng, cụ thể như sau: Đợt 1 ngày 01/12/2020 thanh toán 359.700.000 đồng, đợt 2 ngày 31/12/2020 thanh toán 359.700.000 đồng, đợt 3 ngày 20/4/2021 thanh toán 90.596.000 đồng và 4 ngày 12/5/2021 thanh toán 159.700.000 đồng. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 200.000.000 đồng.

Ngày 05/03/2021, Be G và Go A đã tiến hành ký biên bản nghiệm thu số lượng xe tham gia quảng cáo, khối lượng công việc hoàn thành và xác nhận số tiền G4 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Be G.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ còn lại, tuy nhiên bị đơn không thanh toán. Ngày 27/05/2021, Go Advertising có văn bản số 01/GOA-BE gửi Be Group “*v/v hỗ trợ gia hạn thanh toán*”. Theo đó, Go A xác nhận còn khoản công nợ với Be G số tiền là 200.000.000 đồng và đề nghị kéo dài thời gian thanh toán nhưng không trễ hơn ngày 27/08/2021.

Ngày 14/06/2021, Be G có văn bản số 57/BG-beAds “*v/v trả lời đề xuất gia hạn thanh toán của Công ty TNHH G3*” không đồng ý gia hạn thanh toán mà yêu cầu Go A phải thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày 14/06/2021.

Ngày 21/6/2021, G4 gửi văn bản số 03/GOA-BE “*v/v chuyển đổi quảng cáo*” qua địa chỉ mail của B đề xuất chuyển đổi công nợ 200.000.000 đồng thành 02 sản phẩm quảng cáo biển lớn trong thời hạn 01 tháng. Đến ngày 24/06/2021, Be G có văn bản số 60/BG-beAds với nội dung không đồng ý đề xuất chuyển đổi quảng cáo mà yêu cầu Go Advertising phải thanh toán số công nợ 200.000.000 đồng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày 24/06/2021. Tuy nhiên đến nay, Go A vẫn chưa thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng và lãi chậm trả

0,05%/ngày, tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày 24/7/2024 là: 200.000.000 đồng x 0,05%/ngày x 1.099 ngày = 109.900.000 đồng, ngoài ra lãi suất còn được tiếp tục tính đến khi G1 Advertising trả hết nợ cho Be G theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng. Tổng số tiền Be G yêu cầu Go A phải trả là: 309.900.000 (Ba trăm lẻ chín triệu chín trăm ngàn) đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH G3 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành P trình bày:*

Bị đơn xác nhận, ngày 27/11/2020, Be G ký hợp đồng dịch vụ số 0111 và Phụ lục 1, Phụ lục 2 với Go A. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 999.000.000 đồng trên tổng giá trị hợp đồng 1.199.000.000 đồng tương đương 83,32%. Khi ký biên bản nghiệm thu, do tình hình dịch bệnh Covid-19, hai bên đã không cùng nhau kiểm tra toàn bộ số lượng hình ảnh quảng cáo mà bị đơn chỉ kiểm tra ngẫu nhiên một số hình ảnh trên Dashboard của nguyên đơn. Khi kiểm tra đã phát hiện có hình ảnh bị chỉnh sửa, không đáp ứng điều kiện nghiệm thu, biên bản nghiệm thu cũng có sai sót về số liệu và người ký không có giấy ủy quyền hợp lệ. Tuy nhiên, nhân viên thực hiện công việc này của bị đơn hiện đã nghỉ việc. Công văn 01/GOA-BE ngày 27/05/2021 gửi Be Group “v/v hỗ trợ gia hạn thanh toán” và Công văn số 03/GOA – BE ngày 21/6/2021 có sai sót về chính tả, chưa truyền tải chính xác những điều Go Advertising phản hồi về việc nghiệm thu hình ảnh.

Ngày 02/8/2023 bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn thực hiện các nghĩa vụ sau: Buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn số tiền mà bị đơn đã thanh toán trước cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp dịch vụ đúng theo quy định của Hợp đồng dịch vụ là 999.000.000 đồng; buộc nguyên đơn bồi thường chi phí thi công dán Decal xe của bị đơn là 250 xe x 500.000 đồng/xe x 50% = 62.500.000 đồng; buộc nguyên đơn chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng dịch vụ bị vi phạm là: 8% x 1.090.000.000 VNĐ = 87.200.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn là: 1.148.700.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/6/2024, bị đơn có đơn rút yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến về việc buộc nguyên đơn phải chuyển giao 4.000 tấm hình của chiến dịch 2 tháng (250 xe) = 4 hình/xe/lần x 4 lần/tháng x 250 xe = 4000 hình/250 xe/2 tháng. Vì Go A đã trả tiền để thuê Be G thực hiện chiến dịch quảng cáo nên những hình ảnh này thuộc sở hữu của Go A.

Bản án số 26/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 103/2024/QĐ-SCBSBA ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần B, buộc Công ty TNHH G3 phải trả cho Công ty Cổ phần B khoản công nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 92.400.000 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền phải trả theo mức lãi suất 0.05%/ngày.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH G3 đối với yêu cầu buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 1.148.700.000 (Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.305.000 (Sáu triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0014487 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

H1 lại cho Công ty TNHH G3 tiền tạm ứng án phí 23.230.500 (Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007288 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH G3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.740.000 (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.230.500 (Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007288 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH G3 được nhận lại 7.490.500 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn năm trăm đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Bị đơn vắng mặt tại thời điểm tuyên án, bị đơn xác nhận ngày 01/8/2024 nhận được bản án sơ thẩm, ngày 06/8/2024, ông P đại diện theo uỷ quyền của G4 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Bị đơn nộp một số tài liệu chứng cứ và trình bày:

- Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: nguyên đơn không có mặt 02 lần tòa xét xử nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự mà tiếp tục ra quyết định hoãn phiên tòa để xử.

- Tòa sơ thẩm bỏ ra khỏi hồ sơ Quyết định hoãn phiên tòa số 795

- Biên bản phiên tòa ghi không đúng thực tế diễn biến tại phiên tòa. Biên bản phiên tòa không ghi nhận việc sửa đổi yêu cầu phản tố của bị đơn như Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố mà thay đổi bằng yêu cầu nguyên đơn trả lại 4.000 tấm hình chiến dịch 02 tháng, không ghi ý kiến bị đơn liên quan đến các tài liệu bị đơn đã nộp cho sơ thẩm.

- Về nội dung: cấp sơ thẩm xử không căn cứ trên quy định của hợp đồng dịch vụ số 0111 mà bị đơn đã dẫn chứng. Nguyên đơn không chứng minh đã hoàn thành dịch vụ, không cung cấp hồ sơ hợp lệ (Biên bản nghiệm thu) để thanh toán.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm; Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Go A. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 103/2024/QĐ-SCQĐ ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 của Be G cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đăng ký lần đầu ngày 17/9/2020, thì Công ty TNHH G3 có địa chỉ trụ sở chính số B đường số A, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án

nhân dân huyện Nhà Bè áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[1.2] Bị đơn là Go A có ông P đại diện theo uỷ quyền kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xét Giấy uỷ quyền số 2007/2023/GUQ-GOA ngày 20/7/2023 phạm vi uỷ quyền có nội dung: “Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13” và ngày 05/11/2024 G4 uỷ quyền cho ông P được “Lập, ký, nộp đơn kháng cáo, đơn sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo...” do đó ông P được quyền đại diện cho Go A kháng cáo. Ông P đã thực hiện nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: nguyên đơn không có mặt 02 lần tòa xét xử nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự mà tiếp tục ra quyết định hoãn phiên tòa để xử:

Tại các tài liệu có trong hồ sơ và phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự xác nhận Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè có ban hành:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06/5/2024 xử vào hồi 14 giờ ngày 28/5/2024.

Công ty B có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 795/2024/QĐST-KDTM ngày 28/5/2024 và ấn định ngày giờ xử là 08 giờ 30 phút ngày 18/6/2024. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định hoãn phiên tòa cùng số 795/2024/QĐST-KDTM ngày 28/5/2024 và ấn định ngày giờ xử là 08 giờ 30 phút ngày 25/6/2024 (Quyết định xử ngày 25/6/2024 không ghi quyết định này thay thế quyết định có ngày xử 18/6/2024 hoặc ngược lại). Ngày 18/6/2024 nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã được tổng đạt hợp lệ, 02 lần không đến tòa nên theo quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự phải đình chỉ không được tiếp tục ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 986/2024/QĐST-KDTM ngày 19/6/2024 như Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã làm.

Nguyên đơn cho rằng, đã nhận được 02 Quyết định hoãn phiên tòa cùng số nhưng ngày giờ khác nhau nên dẫn đến sự nhầm lẫn ngày 18/6/2024 không đến tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn không có mặt ngày 18/6/2024 là do lỗi của Tòa sơ thẩm, không phải lỗi của nguyên đơn nên khi đại diện nguyên đơn không có mặt Tòa sơ thẩm tiếp tục ban hành Quyết định hoãn phiên tòa để xét xử ngày 18/7/2024 là đúng quy định. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu Biên bản phiên tòa ghi không đúng thực tế diễn biến tại phiên tòa: Biên bản phiên tòa không ghi nhận việc sửa đổi yêu cầu phản tố của bị đơn như Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố mà thay đổi bằng yêu cầu nguyên đơn trả lại 4.000 tấm hình chiến dịch 02 tháng, không ghi ý kiến bị đơn liên quan đến các tài liệu bị đơn đã nộp cho sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản phiên tòa ngày 18/7/2024 phiên tòa diễn ra, do các bên đương sự không thực hiện phần hỏi nên chủ tọa hỏi và cuối giờ ngày 18/7/2024 đại diện Viện kiểm sát đề nghị kéo dài thời gian xét xử để đại diện Viện kiểm sát chuẩn bị bài phát biểu, yêu cầu này của đại diện Viện kiểm sát đã được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự thì những người tham gia tố tụng có quyền được xem Biên bản phiên tòa, yêu cầu sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận. Đại diện bị đơn đã không có mặt tại phiên tòa ngày 24/7/2024 và cũng không thực hiện quyền xem biên bản phiên tòa để sửa đổi, nay đại diện bị đơn cho rằng sơ thẩm đã vi phạm trình tự diễn biến phiên tòa thì không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu cấp sơ thẩm xử không căn cứ trên quy định của hợp đồng dịch vụ số 0111 và các tài liệu mà bị đơn đã dẫn chứng. Nguyên đơn không chứng minh đã hoàn thành dịch vụ, không cung cấp hồ sơ hợp lệ (Biên bản nghiệm thu) để thanh toán:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã làm rõ nội dung Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 do Be G và Go A ký.

Trong hồ sơ nguyên đơn nộp 02 biên bản nghiệm thu cùng ngày 05/3/2021 nhưng người đại diện cho Be G ở 02 bản khác nhau: một bản do bà Trịnh Thanh H2- Quyền giám đốc thương mại ký tên đóng dấu và một bản bà Hồng N- Quản lý bộ phận BeAds ký tên nhưng không đóng dấu, bên Công ty G3 thì cả 02 bản đều do bà Mạc Âu Thái Thuyền T đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu;

Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 do bị đơn nộp thì có nội dung giống bản nguyên đơn nộp do bà Hồng N ký tên (không đóng dấu) và bên bà Mạc Âu Thái Thuyền T thì chưa ký tên. Bị đơn giải thích bản nguyên đơn cung cấp bà T ký tên đóng dấu để nguyên đơn lưu giữ, còn bản bên bị đơn giữ thì không cần bà T ký.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận phù hợp với lời trình bày của bị đơn là sử dụng Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 do bà Hồng N ký tên (không đóng dấu) và bên bà Mạc Âu Thái Thuyền T ký tên đóng dấu. Về mặt hình thức Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 mà 02 bên đương sự thống nhất sử dụng thì bà Hồng N – quản lý cấp cao bộ phận - không có giấy ủy quyền. Tuy nhiên tại tòa đại diện nguyên đơn xác nhận việc bà N ký tên trên Biên bản nghiệm thu đại diện theo pháp luật biết và đồng ý nên sau đó nguyên đơn đã phát hành các văn bản nhắc bị đơn trả nợ dựa trên Biên bản nghiệm thu này.

Về mặt nội dung 02 Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 giống nhau Điều 1 Danh sách xe tham gia chiến dịch Shynh 02 bên nghiệm thu toàn bộ số xe đã làm dịch vụ suốt 02 tháng (nghiệm thu hình ảnh) và Điều 3 nghiệm thu thanh toán: số tiền bên G4 có nghĩa vụ thanh toán đợt 4 là 90.596.000 đồng.

Về số tiền nghiệm thu chỉ của đợt 4 bên Go A có nghĩa vụ thanh toán cho Be G là 90.596.000 đồng và cả 02 đương sự thống nhất số tiền đợt 4 đã trả xong. Nguyên đơn đang khởi kiện là tiền của đợt 3, ngoài Biên bản nghiệm thu ngày 05/03/2021 thì 02 bên không có biên bản nghiệm thu nào khác. Do đó bị đơn cho rằng phải làm đúng theo điểm d khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ số 0111 là không thể thực hiện. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng của đợt 3. Công văn số 01/GOA-BE ngày 27/5/2021 và số 03/GOA-BE ngày 21/6/2021 do G4 phát hành có xác nhận còn nợ Be G số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện bị đơn cho rằng sau thời gian ký các văn bản trên thì G4 phát hiện còn một số vấn đề trong quá trình thực hiện hợp đồng chưa được hoàn thiện, nguyên đơn chưa thực hiện đúng hợp đồng tổng giá trị hợp đồng chỉ là 1.090.000.000 nên không đồng ý trả tiền gốc 200.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền dịch vụ gốc 200.000.000 đồng là đúng quy định.

[2.4] Đối với 4.000 hình ảnh mà bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả đã được đại diện bị đơn thống nhất nghiệm thu từ ngày 05/3/2021. Mặt khác sơ thẩm không giải quyết nên phúc thẩm không xét.

[2.5] Đối với tiền lãi chậm thanh toán.

Ngày 14/06/2021, Be G có văn bản số 57/BG-beAds từ chối gia hạn thanh toán và đề nghị bị đơn thanh toán số tiền 200.000.000 đồng còn thiếu trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày 14/06/2021; Ngày 24/06/2021, Be G có văn bản số 60/BG-beAds từ chối đề xuất chuyển đổi quảng cáo và yêu cầu Go A phải thanh toán số công nợ 200.000.000 đồng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày phát hành văn bản. Nguyên đơn xác định thời điểm tính lãi chậm trả từ ngày 15/7/2021 đến ngày 24/7/2024 với mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại điểm e khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ 0111 là 0.05%/ngày (18%/năm) trên số tiền 200.000.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 1.099 \text{ ngày} = 109.900.000 \text{ đồng}$). Cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán lãi chậm thực hiện là có cơ sở, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận số tiền chậm thực hiện 109.900.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm thực hiện cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên trong phần quyết định thì tuyên tiền lãi chậm thanh toán bị đơn phải trả là 92.400.000 đồng là mâu thuẫn với nhận định nên cần rút kinh nghiệm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thu thập lãi suất trung, dài hạn của Ngân hàng TMCP C cung cấp ngày 15/7/2024 là 12,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi

suất vay trong hạn là 18,75%/năm; Ngân hàng TMCP Đ cung cấp ngày 17/7/2024 là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 13,5%/năm; Ngân hàng N1 cung cấp ngày 16/7/2024 là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 13,5%/năm. Vậy lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là 15,25%/năm. Các đương sự thỏa thuận lãi chậm trả 18%/năm là cao hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng (theo quy định Điều 306 Luật thương mại và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) nên không chấp nhận tính lãi trên sự thỏa thuận của các đương sự mà phải tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng. Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 24/7/2024 tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất 15,25%/năm thì tiền lãi chậm trả là 92.419.178 đồng, quyết định của sơ thẩm chấp nhận số tiền 92.400.000 đồng mà nguyên đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận tiền lãi chậm thanh toán 92.400.000 đồng theo phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Án phí sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu 15.740.000 án phí tính trên số tiền 309.900.000 đồng là không phù hợp với số tiền bị đơn phải hoàn trả là 292.400.000 đồng trong phần quyết định, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại Công ty TNHH G3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.620.000 đồng.

Từ những nhận định trên,

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH G3.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2024/KDTM-ST ngày 24/7/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 103/2024/QĐ-SCQĐ ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần B. Buộc Công ty TNHH G3 phải trả cho Công ty Cổ phần B 292.400.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng) bao gồm tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu

đồng) và tiền lãi chậm thanh toán 92.400.000 đồng (Chín mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Tất cả trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH G3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH G3 đối với yêu cầu buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 1.148.700.000 (Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.305.000 (Sáu triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0014487 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH G3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.620.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.230.500 (Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007288 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH G3 được nhận lại 8.610.500 đồng (Tám triệu sáu trăm mười ngàn năm trăm đồng).

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH G3 (có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành P) phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018053 ngày 12/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH G3 (có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành P) được nhận lại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS huyện Nhà Bè;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo